

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **118/2023/DS-ST**
Ngày: **22/8/2023**
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Thanh Trí
- Bà Lê Thị Tuyết Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:** Ông Tô Minh Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023; về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2023/QĐXX-ST ngày 12/8/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị R**; sinh năm: 1953. ĐKTT: 106 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: F140 đường Số 5, Khu dân cư N, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh H**; sinh năm: 1968. Địa chỉ: 139 khu vực Th, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Nguyễn Thị T**; sinh năm: 1969. Địa chỉ: 139 khu vực Th, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2023 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị R và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/5/2021, bà có cho ông Nguyễn Thanh H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để ông H làm vườn, trồng sầu riêng; thỏa thuận thời hạn

vay 06 tháng, lãi suất 4%/tháng. Hai bên có lập Văn bản thỏa thuận ngày 04/5/2021 và Hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2021 có công chứng.

Để làm tin, ông H có đưa cho bà giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN335811, số vào sổ CS09884 ngày 04/6/2018 đối với thửa đất số 2434, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.661,7m² tọa lạc tại khu vực Th, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ do vợ của ông H là bà Nguyễn Thị T đứng tên.

Khi cho ông H vay tiền, bà không có thông báo cho vợ ông H là bà Nguyễn Thị T biết việc này.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà có nhận 4.000.000đ tiền lãi ngay khi giao tiền vay cho ông H tại phòng Công chứng; các tháng tiếp theo, ông H đóng lãi không đầy đủ. Tổng cộng, ông H đã đóng lãi được 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); kể từ sau dịch Covid19, ông H không đóng lãi và quá hạn cũng không trả vốn.

Sau đó, bà biết được thông tin vợ chồng ông H báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi xin cấp lại giấy mới nên bà đến nhà ông H yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ.

Do bà T đứng tên quyền sử dụng đất và đây là tài sản chung của vợ chồng ông H; vì vậy, bà yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và vợ là Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay nợ gốc 100.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 04/5/2021 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất 1.66%/tháng, đồng ý trừ lại tiền lãi đã nhận 13.000.000đ. Không đồng ý cho vợ chồng ông H trả dần.

Sau khi ông H thanh toán xong nợ, bà sẽ trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh H cho rằng:

Thừa nhận ngày 04/5/2021, ông có vay của bà Nguyễn Thị R 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, các bên có lập hợp đồng bằng văn bản và ông có đưa cho bà R giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Mục đích vay tiền là để kinh doanh nhà đất.

Việc giao dịch giữa ông với bà R thì vợ ông là bà T không biết. Đến đầu năm 2023, bà R đến nhà đòi tiền vợ ông thì vợ ông mới biết ông cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vay tiền của bà R; ngoài ra, ông cũng mới biết được là vợ ông nghĩ rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất nên đã xin cấp lại giấy mới.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay: Khi bà R giao tiền vay đã giữ lại tiền lãi 03 tháng x 4.000.000đ/tháng = 12.000.000đ. Bà R chỉ đưa cho ông 88.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã đóng lãi cho bà R đến tháng 3/2023, tổng cộng khoảng 78.000.000đ. Tuy nhiên, việc ông đóng lãi, bà R không có làm biên nhận nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho Tòa án.

Nay ông đồng ý trả tiền vay 100.000.000đ nhưng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 20%/năm, trừ lại tiền lãi cao ông đã đóng cho bà R 78.000.000đ và

yêu cầu trả dần mỗi quý trả 30.000.000đ đến khi dứt nợ.

Yêu cầu bà R trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông giao nộp cho Nhà nước thu hồi, tiêu hủy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T cho rằng:

Bà không biết việc ông H vay tiền của bà R. Đến tháng 3/2023 bà R đến nhà bà đòi nợ, bà mới biết việc này.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên, ông H tự ý lấy đi thế chấp cho bà R nhưng không cho bà hay biết. Bà tìm không thấy, nghĩ là bị thất lạc nên tháng 10/2021 đã báo mất và xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Ngày 07/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ có Quyết định số 483/QĐ-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09884 ngày 04/6/2018 do bà đứng tên đối với thửa đất số 2434, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.661,7m² và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC610519 (số vào sổ CS16115) ngày 07/10/2021 cho bà là Nguyễn Thị T đứng tên. Hiện bà đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Do ông H vay tiền của bà R bà không biết và ông H không có đem tiền về nhà tiêu dùng cho gia đình nên bà không đồng ý chịu trách nhiệm trả số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Xét thấy:

Ông H thừa nhận có vay số tiền 100.000.000đ của bà R vào ngày 04/5/2021, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng nên đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Do quá hạn ông H không trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên bà R khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ vay và lãi còn thiếu là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, về tiền lãi thỏa thuận 4%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại tiền lãi phải trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ đi số tiền lãi cao ông H đã đóng.

Đối với số tiền lãi cao ông H đã đóng: Ông H cho rằng đã đóng lãi được 78.000.000đ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi ông H đã đóng nên đề nghị căn cứ vào lời thừa nhận của bà R, xác định số tiền lãi bà R đã nhận của ông H là 13.000.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ: Việc ông H vay tiền của bà R thì bà T không biết và không có cơ sở chứng minh ông H dùng số tiền vay phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên nghĩa vụ trả nợ là của ông H, không có cơ sở xác định

trách nhiệm của bà T đối với số nợ này; vì vậy, bà R yêu cầu bà T phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông H xin trả dần số nợ: Do yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét mối quan hệ pháp luật:** Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc còn thiếu 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 04/5/2021 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất 1.66%/tháng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị R có ký Văn bản thỏa thuận ngày 04/5/2021 và Hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2021, số công chứng 930, quyền số 05/2021/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Tây Nam. Bên cạnh đó, ông H thừa nhận có vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bà R vào ngày 04/5/2021, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng nên đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Do quá hạn ông H không trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên bà R yêu cầu ông H trả số tiền nợ vay và lãi còn thiếu là có cơ sở. Do đó, cần buộc ông H phải trả cho bà R số tiền nợ gốc còn thiếu là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[2.2] **Về lãi suất và tiền lãi:** Xét thấy, lãi suất các bên thỏa thuận 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Do đó, tiền lãi theo quy định pháp luật bên vay phải trả cho bà R được tính như sau:

Lãi trên nợ gốc trong hạn 06 tháng từ ngày 04/5/2021 đến ngày 04/11/2021: $100.000.000đ \times 6 \text{ tháng} \times 1.66\%/tháng = 9.960.000đ$

Tiền lãi chậm trả trên nợ gốc từ ngày 05/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2023: $9.960.000đ \times 21 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} \times \frac{1}{2} \times 1.66\%/tháng = 1.782.900đ$

Tiền lãi quá hạn từ ngày 05/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2023:

$100.000.000đ \times 21 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} \times 150\% \times 1.66\%/tháng = 53.701.000đ.$

Tổng cộng, tiền lãi theo quy định pháp luật:

$9.960.000đ + 1.782.900đ + 53.701.000đ = 65.443.900đ.$

[2.3] **Đối với số tiền lãi cao ông H đã đóng:** Thấy rằng, H cho rằng đã đóng lãi được 78.000.000đ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi ông H đã đóng, còn bà R chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi 13.000.000đ nên lời trình bày của ông H là không có cơ sở, không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của bà R, xác định số tiền lãi ông H đã đóng là 13.000.000đ để trừ vào tiền lãi theo quy định pháp luật ông H phải trả cho bà R, cụ thể số tiền lãi còn lại ông H phải trả cho bà R:

$$65.443.900đ - 13.000.000đ = 52.443.900đ.$$

Tổng cộng, tiền vốn và lãi ông H phải trả cho bà R:

$100.000.000đ + 52.443.900đ = 152.443.900đ$ (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm đồng) và lãi chậm trả kể từ ngày 23/8/2023 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] **Về trách nhiệm trả nợ:** Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H, bà T cùng chịu trách nhiệm trả nợ; Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T là vợ ông H không biết việc ông H vay tiền của bà R. Bên cạnh đó, không có căn cứ để chứng minh cho việc ông H dùng số tiền vay này phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở buộc bà T phải chịu trách nhiệm trả số nợ này, nghĩa vụ trả số nợ này là trách nhiệm của cá nhân ông H. Do đó, bà R yêu cầu bà T cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] **Đối với yêu cầu của ông H xin trả dần số nợ:** Do yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận; hơn nữa, khả năng trả nợ của bị đơn sẽ được xem xét và giải quyết trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự. Do đó, yêu cầu trả dần của bị đơn là không có sở, không được chấp nhận.

[5] **Về việc cầm cố, thế chấp tài sản của các bên:**

Xét việc bị đơn cầm cố cho nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN335811, số vào sổ CS09884 ngày 04/6/2018 đối với thửa đất số 2434, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.661,7m² tọa lạc tại khu vực Th, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thị T đứng tên; thấy rằng, giao dịch đảm bảo giữa các bên, về hình thức hợp đồng không có công chứng theo quy định pháp luật; hơn nữa, bị đơn không có toàn quyền định đoạt hợp pháp đối với quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên nên việc nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở.

Ngoài ra, ngày 07/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ có Quyết định số 483/QĐ-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09884 ngày 04/6/2018 do bà Nguyễn Thị T đứng tên để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho bà T nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R đang giữ không còn giá trị, cần buộc bà R phải giao nộp lại bản chính

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN335811, số vào sổ CS09884 ngày 04/6/2018 cho Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ đề thu hồi.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 12, 14, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí: $152.443.900đ \times 5\% = 7.622.200đ$.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T cùng chịu trách nhiệm trả nợ, không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí không giá ngạch 300.000đ. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357, 463, 466, 468, 470, 501, 502 Bộ luật Dân sự.

- Điều 12, 14, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị R.

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền 152.443.900đ (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm đồng), (Trong đó: vốn gốc 100.000.000đ + lãi 52.443.900đ) và lãi chậm trả kể từ ngày 23/8/2023 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải liên đới với ông Nguyễn Thanh H cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị R.

3. Buộc bà Nguyễn Thị R phải giao nộp lại cho Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN335811, số vào sổ CS09884 ngày 04/6/2018 do bà Nguyễn Thị T đứng tên đề thu hồi.

4. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí 7.622.200đ (Bảy triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn hai trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị R là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Sở TMMT Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

